

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 17 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 62

Trên đây, trong Nhiếp Quyết Trạch phần có mười hai đoạn, hai đoạn đầu đã nói xong.

Dưới đây là thứ ba, có văn của một quyển rưỡi. Quyết Trạch Tam-ma-hý-đa-địa, trong đó, đầu tiên, là kết trước, sinh sau. Kế là Chính Quyết trạch. Sau pháp khác dưới đây lại biểu hiện.

Y cứ văn trong Chánh Quyết Trạch, được chia làm năm:

I. Dùng mười một môn Tạp Quyết Trạch.

II. Dẫn bốn kinh để giải thích.

III. Dùng sáu môn để Quyết trạch lại.

IV. Dùng chín môn để giải thích.

V. Dùng sáu môn lại Tạp quyết trạch.

Trong phần đầu, trước nói về chương Tam-ma-hý-đa. Trong đó có ba:

A. Nêu Tùy phiền não có mười tám.

B. Giải thích riêng từng Tùy phiền não.

C. Nói về đối tượng nương tựa của Tùy phiền não.

Pháp sư Cảnh nói: “Y cứ trong mười tám phiền não này, hoặc y cứ trên “hoặc” căn bản để giả lập nghĩa tùy hoặc có riêng thể đều cùng thọ phần khí tham mà sinh, như ở trước đã nói.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Gọi là tùy phiền não trong đây, nghĩa là tùy phiền não nơi tâm, gọi là tùy phiền não cũng theo phiền não mà sinh, nên gọi là tùy phiền não. Trong đây có hai giải thích. Hoặc tâm sở nhiễm ô, tùy theo phiền não của người khác mà sinh, như phẩm Tùy miên của Câu-xá nói: “Tâm sở hành uẩn đều y theo đây. Trong tùy miên này y theo trước, như trong sự lý, tất cả đều đúng. Nhưng y theo phần vượt hơn, nghĩa là luận này chỉ nói hai mươi hai v.v.... Trong đây, tất cả ngoài hai mươi hai không ngoài thể của hai mươi hai, vì gồm đầu

tướng, tìm tòi rất dễ hiểu.

Y cứ trong giải thích riêng, có mười bảy đoạn, vì hợp với vô tà quý.

Nói “Do sức tăng thượng của Siễm, Cuống. Pháp sư Cảnh, Pháp sư Cơ đồng nói: “Kiểu không có tự thể riêng, chỉ đối với sức tăng thượng của sự sũa nịnh (Siễm), lừa dối (Cuống) mà đặt ra kiểu (giả bộ). Trong lừa dối, lược không có lời này. Thu hưởng hành trước, nghĩa là hành động trước thọ lợi dưỡng do người khác thỉnh v.v... bấy giờ ở trước mà đi.

Xả ách xa lìa là thế nào? Nghĩa là đối với tọa cụ, giường nằm v.v... của bờ mé xa lìa. Pháp sư Cảnh nói: “Chỗ A-lan-nhã là xa lìa bờ mé kia. Vì tọa cụ, giường nằm là phẩm hạ, nên gọi là bờ mé. Nếu trụ ở chỗ này, sẽ xa lìa điều ác, xa lìa đối tượng mà người ta quen thuộc gần gũi. Dù ở trong rừng vắng, giống như ngôi nhà vắng vẻ, sao lại trụ trong xa lìa này? Như con trâu bị chiếc ách, không được hung hăng. Thời nay, xa lìa, ruộng bỏ, vì sinh dục lạc, nên bỏ ách xa lìa.”

Pháp sư Thái nói: “Nếu là ách thiện, tức tọa cụ, giường nằm hơn hết. Chỗ cùng cực, gọi là bờ mé. Người xấu ác gần tĩnh thất, nói là có chỗ có thể làm việc dâm, giống như nhà định. Nếu lìa được đồ nằm bờ mé và tĩnh thất của người ác, tức là ách thiện. Bỏ này gọi là lìa bỏ ách thiện.”

Pháp sư Khuy Cơ nói hai giải thích:

1. Giải thích trước, đồng với giải thích của Pháp sư Cảnh.

2. Giải thích sau, đồng với Pháp sư Thái. Dưới đây, là nói trong y xứ có hai:

1) Mười một tùy hoặc trước trái với bốn xứ, mà khởi.

2) Nói về bảy tùy hoặc sau, dựa vào tùy hoặc trước để kiến lập.

Nói: “Trước hết là bốn Tùy phiền não, đó là Siễm, Cuống, Kiểu, Trá. Dựa vào trái phạm giới, mà không có hổ, thẹn, nghĩa là người phạm giới mà không biết hổ thẹn.

Dựa vào tâm và tuệ phát khởi bất tín, cho đến tuệ ác, là nói trái với định, tuệ, khởi năm thứ như bất tín v.v.... Văn này là chung.

Phân biệt riêng dưới đây, như văn, rất dễ hiểu.

Dưới đây, là nói, y theo trước, khởi sau, cách hành văn có thể thấy.

Tiếp theo đây là thứ hai, nói về ba hạng người, nương tựa ba chỗ để dẫn phát tùy phiền não.

1) Nương vào chánh pháp mà xuất gia, vì buông lung nên khởi

Tùy phiền não.

2) Người tại gia do ham vui dục lạc, nên khởi tùy phiền não.

3) Ngoại đạo dựa vào tà hạnh, dẫn sinh ra tùy phiền não có ba:

a) Theo đuổi xa lìa, nghĩa là trụ hạnh khổ hạnh, xa lìa điên đảo, khởi Tùy phiền não, ở đây lại có ba:

1- Trụ nhiễm ô.

2- Trụ khổ não.

3- Không có đối trị.

b) Đeo đuổi chỗ ồn ào náo nhiệt, nghĩa là đều chấp riêng kiến khác, trái với ngôn luận. Lập ngã thường; hoặc lập mười sáu luận ngã đoạn.

c) Theo đuổi học xứ, ở đây có ba:

1- Phá giới.

2- Cây định sinh ngã mạn.

3- Ít có lắng nghe, không hay quán sát.

Nói về tu mười biến xứ có năm thắng lợi. Pháp sư Cảnh nói:

1/ Do tu quán tám thứ sắc: Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, có thể rộng, có thể lược đều được tự tại, tức là có thể hóa hiện từ không bỗng nhiên có. Hoặc lại biến hiện trao đổi vật, hình chất.

2/ Do giả tu “không”: Trước, quán sắc pháp là trống không, sau, quán bốn uẩn của không xứ; vô biên của năm không. Quán không xứ thành tựu xong. Về sau có thể qua lại xuyên qua núi đá, không ngăn ngại.

3/ Do thường quán thức rộng, lược tự tại. Nếu vì tâm tế, nên có thể dẫn phát vô tránh v.v....

4/ Tức do biến xứ của thức này thành tựu viên mãn tức có thể thành tựu vô sở hữu xứ và giải thoát của Phi tưởng.

5/ Tức do được Phi tưởng giải thoát, có thể nhập Diệt tận giải thoát kia.

Lại, do Thức vô biên xứ, nên vô biên vô lượng công hạnh biến mãn hành chuyển.

Do quán vô biên cùng khắp xong, quán mười biến thành tựu. Cho nên, trở lên, không còn lập biến xứ quán nữa.

Nói biến xứ, là các giải thoát có thể thanh tịnh đạo, nghĩa là giải thoát có hai:

1) Tạo nhập quán giải thoát trong trí Như lượng, nghĩa là trong có sắc, ngoài quán sắc v.v....

2) Tạo quán giải thích trong Trí như lý, quán chân như bình đẳng

của cảnh sở quán của bảy thứ giải thoát trước. Nếu nương tựa trong trí như lượng để thực hiện quán giải thoát thì trước, tu biến xứ, kế là tu Thắng xứ; sau tu giải thoát.

Nay, dựa vào nghĩa này, nên nói Thắng xứ, Biến xứ là các giải thoát có thể thanh tịnh đạo, không đồng với Thành Thật cho rằng, biến xứ chỉ có nhân; giải thoát chỉ có quả; Thắng xứ có cả nhân, quả.”

Nói “Lại, các giải thoát đến tâm được giải thoát”, nghĩa là nếu chia ba chương, mỗi chương đều riêng chương tám giải thoát này là thuộc về chương định. Nghĩa là chương ngại thiền định, không được tự tại, tức là tâm loại Dị thực sinh của vô tri trong sự. Nếu gồm thu ba làm hai thì chỉ lập chương phiền não và sở tri, đây là chương định, chỉ thuộc về chương sở tri, vì chẳng phải nhiễm ô, nên theo văn này tức nói là Thanh văn, Độc giác v.v... đối với chương sở tri tâm được giải thoát.”

Hỏi: “Nếu vậy thì vì sao nói rằng, chương sở tri chỉ có Bồ-tát dứt trừ?”

Giải thích: “Nhị thừa dứt trừ một phần, không được gọi là đoạn, vì Bồ-tát dứt trừ rốt ráo, nên được gọi là đoạn.”

Luận sư Bị nói: “Năm sự nghĩa là do tám biến xứ trước, nên có thể dẫn phát ba sự: 1- Sự hóa; 2- Sự biến; 3- Thần thông của các bậc Thánh. Đây là có thần thông. Vì không Nhất thiết trí, nên dẫn phát sanh thần thông của các bậc Thánh qua lại vô ngại. Bốn là Thức ở tất cả mọi nơi nên dẫn phát các công đức thù thắng như vô trính v.v... là thứ năm, vì văn dưới đây là giải thích về công năng nhất thiết xứ của thức thứ năm.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu y theo thế văn này mà nói, thì tám biến xứ trước nói là thần thông của các bậc Thánh trong dẫn phát, tức phân biệt làm một, nghĩa là trong không dẫn phát, nói là thần thông của các bậc Thánh qua lại không có trở ngại. Nói thần thông các bậc Thánh lẽ ra có tự thể riêng là một?”

Nay, giải thích: “Tám biến xứ ở trước dẫn phát một sự, sự hóa, sự biến chỉ là một vật vốn không, vốn có là khác nhau. Không ở tất cả mọi nơi dẫn phát thần thông qua lại không ngăn ngại, là thứ hai. Vì có ba trong thức xứ dẫn phát, nên là năm. Nghĩa là các công đức như vô ngại giải v.v... là một. Thành xong giải thoát của vô sở hữu, giải thoát của phi tướng, giải thoát của diệt tận là hai; vô biên vô lượng, hạnh biến mãn chuyển là ba.”

Hỏi: “Vì sao giải thoát của diệt tận có riêng chữ “hữu”; kết hợp với Vô sở hữu v.v... là một?”

Đáp: “Vì thế vẫn như đây, nên chỉ thức xứ có ba: Thượng, trung, hạ đều nói là do Thức Vô biên xứ này.”

Nói trong giải thoát của Diệt tận này tức không, chỉ nói do nhân thành tựu viên mãn nhân của Vô sở hữu v.v..., nên biết hợp làm một, vì là loại giải thoát.

Đại nghĩa nói: “Thức xứ có ba:

- 1- Dẫn phát trí vô tránh v.v....
- 2- Giải thoát của địa phi tướng, vô sở hữu.
- 3- Giải thoát của diệt tận.

Nói Vô biên, vô lượng hạnh biến mãn chuyển: Đây là tổng kết thức xứ trước thành xong, nên được các công đức trở xuống đều là nghĩa đại. Các công đức này, như Luận Hiển Dương quyển hai mươi bốn nói”.

Hỏi: “Vì sao thành tựu tám biến xứ trước, nên dẫn phát sự hóa, sự biến ư?”

“Đáp: Vì biến xứ trước được tự tại đối với cảnh sắc, nên có thể dẫn phát sự hóa, sự biến. Xứ này có trở ngại, vì thần thông chưa được không xứ định, chỉ dựa vào thiền thứ tư mà được, há không được sự hóa ư? y theo thắng dụng ngữ, các phàm phu không được tám biến xứ trước”.

Hỏi: “Vì sao không được biến xứ để dẫn phát thần thông qua lại không ngăn ngại?”

Đáp: “Vì không Vô Sắc, nên có thể dẫn phát qua lại không ngăn ngại, nên Đối Pháp quyển mười ba nói: “Vì được định Vô Sắc, hàng phục, dứt trừ tướng sắc, không có công năng trừ sắc. Nếu được qua, lại không có ngăn ngại, chưa được Không xứ cũng được, nhưng chướng chưa hết.

Nay, y theo tận xứ Ngã của chướng định, chủ yếu là được không xứ mới dứt trừ được chướng này”.

Hỏi: “Vì sao phải tu tập Thức biến xứ mới có thể dẫn phát các công đức của nguyện trí vô Tránh v.v... ?”

Đáp: “Các công đức cao quý đều dựa vào tâm thức. Vì công đức đều là pháp tâm sở, nên do thức xứ được tự tại, tức như Thức là Cảnh. Sau khi được tự tại, dựa vào tính lực thứ tư dẫn phát trí vô tránh v.v... này. Chính thần thông qua lại không có ngăn ngại ở trước cũng nương tựa bốn Thiền, chủ yếu là dựa vào không xứ, dứt trừ trở ngại chướng sắc (bỏ đi chướng ngại sắc) chứng nhập bốn tĩnh lực qua lại không có ngăn ngại. Dù có người không được không biến xứ v.v... mà vẫn được qua lại vô ngại vì chẳng phải là ngữ trôi hơn thêm mà là vì chướng ngại sắc

định chưa hết, nên có xứ có ngại. Nay, y theo trôi hơn, nghĩa là tất cả xứ không có ngăn ngại. Lại vô lượng hạnh biến mãn chuyển, nghĩa là vận hành Thức xứ này vì thực hành vô lượng, vô biên quán, nên vô lượng biên vận hành xứ cứu cánh này, lại không lập biến xứ”.

Thắng xứ, biến xứ là các giải thoát có thể thanh tịnh đạo, nghĩa là dùng giải thoát làm quả, lấy thắng xứ làm phương tiện trước. Vì thế, nên ở Đối Pháp quyển mười ba nói: “Vì nương tựa giải thoát, nên tạo ra tu; vì thắng xứ nên khởi gia hạnh, vì biến xứ nên thành tựu viên mãn; vì thành tựu viên mãn, tức là đối với giải thoát rốt ráo, không đồng với Tát-bà-đa cho rằng, giải thoát chỉ nhân mới tu, trước là phải dựa vào một phần giải thoát để lấy đoạn chướng. Biến xứ chỉ có quả, vì tu sau cuối. Thắng xứ có cả nhân, quả. Ở sau giải thoát, vì biến xứ tu trước, tức như văn của Đối Pháp”. Trong đây, lấy giải thoát làm quả; Thắng xứ, Biến xứ làm nhân, không đồng với Thành Thật cho rằng: “Biến xứ làm nhân, giải thoát làm quả; Thắng xứ làm cả nhân, cả quả. Nếu tu sau xong, vì theo thứ lớp như thế, nên đồng với luận này”.

Lại, Đối Pháp nói: “Đạo giải thoát rốt ráo, Tát-bà-đa y theo thời gian đầu, nghĩa là khi mới tu tập, dùng giải thoát làm đầu. Đối Pháp nói: “Vì dựa vào giải thoát, nên tạo ra tu. Vì nương tựa giải thoát nên dứt trừ chướng. Luận Thành Thật thì y cứ thời điểm sau, nghĩa là khi rốt ráo, cần phải thành tựu thắng xứ, biến xứ, thì giải thoát mới được viên mãn, vì giải thoát là quả. Ở đây nói thắng xứ, biến xứ là giải thoát có công năng thanh tịnh đạo. Luận Đối Pháp cũng nói: “Nếu biến xứ thành tựu viên mãn giải thoát thì tức là rốt ráo. Trong đây, y theo lúc rốt ráo; nói là trong đây đã hòa hội với đạo lý đại đương như thế. Xét văn cũng cùng tận lời nói. Lại, các giải thoát do giải thoát của chướng sở tri đã được tỏ bày v.v... : Đây là Dị thực sinh thọ theo biên dịch, không biến dịch, tức là pháp vô ký Trắng trong vì che lấp sở tri là loại của chướng sở tri. Lại, thông qua nhiễm ái, vì chỉ che lấp sở tri, nên được gọi là chướng sở tri. Người Nhị Thừa dứt chướng này. Gọi là dứt trừ chướng sở tri.

Nói về Đẳng chí của vị ái, trong đó trước nói về ba tướng của vị định. Sau, nói về pháp của địa trên dưới khởi cuộc hạn chung.

Trong phần trước, Pháp sư Cảnh rằng: “Nói “Hoặc chứng đắc đẳng chí, xuất định rồi, chấp cho là thanh tịnh v.v... nghĩa là ái quá khứ này hoặc chưa chứng đắc, đây là vì hoàn toàn chưa được, nên sinh ái ở vị lai, hoặc đã chứng đắc vị ái của vị lai, nghĩa là người đã được định, sinh ái đối với người chưa khởi, cũng “duyên” đến cuối cùng sinh ái ở vị lai”.

Nói “Vị ái hiện hành” nghĩa là ái hiện tại này sẽ được giải thích qua hỏi đáp dưới đây. Ý hỏi chính là ở chỗ đối trị chướng không đồng thời. Thế nào là đối với định hiện tại mà sinh vị ái hiện tại?”

Đáp: “Ý nói chung là định ba đời của vị ái chứ chẳng phải nói hiện ái là ái định hiện tại, nên nói rằng vị ái, nghĩa là sinh khắp tham, chấp mắc ở trong đây”.

Pháp sư Khuy Cơ nói:

1/ Được định, xuất rồi, mới ái, Đẳng Chí quá khứ.

2/ Hoặc chưa chứng đắc ái của vị lai, định vị lai của vị ái. Hoặc đã được cân phần, căn bản vị lai của vị ái. Hoặc đã được vị ái phẩm hạ, phẩm thượng, nghĩa là do sức tăng thượng của vị ái, theo đuổi, mong cầu định v.v..., ở vị lai mà sinh ra vị ái.

3/ Đã được cận phần và căn bản v.v..., tùy theo một với tâm định nhập xuất với nhau, giống như tâm định không dừng lại ở phần vị tán loạn mà khởi lên vị ái.

Dưới đây, sẽ nói trong pháp của địa trên dưới, khởi có chung, có cuộc hạn. Pháp sư Cảnh nói: “Nói là sinh ở địa trên, dưới, các pháp không hiện ở trước, nghĩa là trừ địa trên qua đời, khi sắp sinh xuống địa dưới, khởi ái của địa dưới. Lại, sinh lên địa trên, khởi bốn ý thức: Thấy, nghe, xúc v.v... của địa dưới, người chưa lìa dục, đối với ái của địa trên, hoặc nhiễm, không nhiễm. Người nhiễm là tham; người không nhiễm là vì ở cõi Dục đã có ái này, nên không “duyên” ái của địa trên, đồng với Tiểu thừa nói. Nhưng về ái nhẹ, nhỏ nhiệm, nên cũng được “duyên” cõi trên”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu nói người sinh địa dưới khởi ái ở địa trên, chưa được lìa dục, không có tâm quyết định, thì phải nói ái này là ái trói buộc cõi Dục, nghĩa là người thứ nhất trong ba tướng vị ái ở trước chưa được định ái vị, tức tham cho cõi Dục. “Duyên” cõi trên sinh tham làm duyên của cõi khác. Hoặc không đồng với Tiểu thừa “duyên” cầu định cõi trên, đều gọi là dục của pháp lành, vì nhiễm, không nhiễm trong tâm người kia, như tướng trạng của văn. Tức đồng với quyển năm mươi chín ở trước đã nói “Địa trên “duyên” Địa dưới v.v..., được “duyên” lẫn nhau”. Ở đây cũng nói rằng: “Lúc ta sẽ định, với vị ái như thế, tức là “duyên” địa trên, gọi là tướng phần của tâm mình.”

Nói về ba thứ pháp đoạn. Do trong tông chỉ của Đại thừa không có các sự là đoạn diệt ban đầu. Nghĩa là pháp của sự sắc v.v... chỉ dứt trừ duyên ràng buộc, gọi là đoạn diệt. Nếu sinh địa trên, bỏ các hành của địa dưới, nhập Niết-bàn vô dư thì sẽ xả tất cả hành, xả bỏ đoạn diệt.

Nói về ba thối lui. Chưa được mà thối lui, nghĩa là pháp chưa được, vì không thể khởi được, nên gọi là thối. Đã được thối lui: tức pháp đã được, thối lui rồi, khởi phiền não.

Tập hạnh thối: “Pháp hiện đã được không khởi, gọi là thối.”

Hỏi: “Hai thối lui sau, có khác nhau không?”

Giải thích: “Bậc Thánh đã dứt trừ hạt giống “hoặc”, thối rồi khởi hiện ở trước, mất các công đức không được đồng thời sinh, gọi là “tập hạnh thối”, vì không khởi phiền não, do không đồng với “Đã được thối”.”

Nói về bốn đạo của định cận phần. Trước là nói về cảnh của bốn đạo. Sau nói thuộc về bảy Tác ý.

Trong phần trước, Pháp sư Cảnh nói: “Lại dựa vào các định Cận phần của thế gian cho đến, quán vắng lặng của địa trên”, nghĩa là các định cận phần của thế gian; đạo phương tiện, hoặc đạo Vô gián tùy hàng phục bất cứ một phẩm nào cũng được gọi là Vô gián. Hoặc đạo giải thoát, hoặc là hàng phục, hoặc được chứng đắc.

Các đức như Thần thông v.v... trong định mà tu tập: hành giả kia đối với cảnh sở duyên, quán lỗi lầm của địa dưới, quán sự vắng lặng của địa trên. Sáu hạnh đạo này lúc hàng phục tu hoặc, cũng có bốn đạo.

Nói “Nếu đạo Thắng Tấn cho đến, hoặc duyên vô lậu”, nghĩa là “duyên” chung địa trên, dưới trung đạo thắng tấn, với hai tâm ưa, thích, nhằm chán chung, gọi là đối tượng duyên đầy khắp. Nếu bậc Thánh khởi sáu hạnh của thế tục, thì trong đạo thắng tấn khởi cả vô lậu. Văn này chứng minh thối”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Dựa vào cận phần của bốn thiền. Ba đạo: phương tiện, Vô gián, giải thoát, quán sáu địa dưới là lỗi lầm; quán các địa trên là vắng lặng, chỉ đạo thắng tấn thứ tư. Hoặc tạo ra đối tượng duyên đầy khắp của tất cả pháp vô ngã là hữu lậu, hoặc tạo ra hiện quán đế vô lậu “duyên” ở địa trên: đây là đạo quán vô lậu. Nếu muốn quán dứt “hoặc” thì tùy theo vô lậu của bất cứ địa nào, cũng đều được”

Dưới đây là nói thuộc về bảy tác ý:

Tác ý thứ ba dứt trừ ba phẩm trên, tác ý thứ sáu, dứt ba phẩm dưới, đều là đạo Vô gián, bao gồm tác ý lạc, dứt ba phẩm giữa, cũng là dứt Vô gián, nên chung cả bốn đạo. Tác ý thứ bảy vì ở địa căn bản, nên lược qua không nói.

Nói về cảnh tĩnh lự không thể suy nghĩ bàn luận, vì tu tập lâu, việc làm thành tựu, pháp nhĩ khó tư duy.

Nói về chương ngại lẫn nhau của ba thứ tu định. Pháp sư Cảnh chỉ

nói rằng: “có hai thứ tu tĩnh lự, đó là hạng được giống với định, đồng đối với một sự biến nước, lửa khác nhau; hạng nhất tâm nối tiếp nhau, mọi việc đều đã thành tựu. Một tâm, “duyên” khác, tức là có chướng ngại”.

Pháp sư Thái nói: “Có ba thứ tu định. Đối với một việc, đều muốn phát ra sự chuyển biến. Thần thông thắng giải của hai người này đều được tự tại: Muốn tạo ra lửa và muốn tạo ra nước. Hai thần thông này chẳng chướng ngại nhau, mà đều thành tựu thần thông này là vì không có người nào riêng vượt hơn, nên không lấn át nhau. Nếu có người riêng vượt hơn, thì sẽ lấn át với nhau, tức là một thành tựu, một không thành tựu. Vì không vượt hơn riêng, nên không lấn át nhau. Người đầu tiên đều không thành tựu, vì tạo nên thối lui không thôi.

Hai người kia, về sau không có gián đoạn: 1/ Người đối với sự này, thần thông không có trở ngại, như điều mà họ muốn, đều có thể chuyển biến. Thần thông thứ hai, tức là bị chướng ngại. Vì sao trong thời gian đầu, cả hai người đều không thành; thời gian sau, một thành tựu, một không thành tựu. Trong đây, lý do thế nào, nên biết. Dưới đây sẽ giải thích:

Do thế lực thần thông của hai người đều bình đẳng, nhưng vì việc họ làm không giống nhau, nên thần thông của nước, lửa trên sự của một địa này chướng ngại lẫn nhau, đều không được thành tựu, vì oai đức giống nhau, nên không thể lấn át nhau.

Hai người kia, về sau không gián đoạn, bấy giờ có một người cảm nghĩ rằng: “sắp được định vô ngã rồi, thì có thối mất chăng?” Vì khởi lên tâm niệm khác này, nên thần thông của người ấy không được thành. Người được định thứ hai, tức đối với sở duyên này, sự biến như như, với tâm chuyên chú không tán loạn, nên đối tượng đã phát đều không ngăn ngại. Nếu oai đức của hai thần thông không bình đẳng thì tùy thuộc ở oai đức vượt hơn sẽ thành xong. Và lấn át, người oai đức kém sẽ không được thành. Nếu oai đức của hai thần thông giống nhau, thì người tác ý trước sẽ được thành tựu, người tác ý sau, không thành tựu. Nếu hai thần thông giống nhau, đồng thời đối tượng biến hiện trong một việc đều khác nhau, thì hai thông đó sẽ chướng ngại lẫn nhau, đều không thành tựu”.

Nói về bốn thứ tu tĩnh lự:

1) Dựa vào định Vị Chí để tu sáu tác ý. Nếu tu sáu tác ý của định căn bản để được thắng giải liễu tướng thì chỉ đạo gia hạnh là hữu lậu. Xa lìa tác ý, gia hạnh rất ráo, chỉ có đạo Vô gián là vô lậu của gia hạnh

kia, thuộc về tác ý lạc có cả bốn đạo, có cả hữu lậu, vô lậu. Tác ý quán sát chỉ là hữu lậu.

2) Do được ái tính lự côi trên v.v..., nên gọi là chỉ khởi ái trên

3) Dựa vào căn bản tính lự thế gian, có thể dẫn hiện lạc, phát sanh thần thông v.v....

4) Dựa vào các thiện căn như Noãn v.v... tu được Kiến đạo.

Nói “thuộc về quyết trạch thọ ba giải thoát v.v...: Quyết trạch phần là hữu lậu; môn giải thoát như không v.v... là Kiến đạo vô lậu. Do quyết trạch phần, nên được có không v.v..., nên nói đã nhiếp thọ. Dù có “không” v.v... trong Quyết trạch phần, cũng không gọi là môn giải thoát. Vì sao biết? Vì, như Hiển Dương quyển hai chép: “Nói môn Giải thoát chỉ là tu vô lậu, nên biết được rằng, nêu quyết trạch phần, là chủ thể dẫn phát, chấp vô lậu đã nhiếp thọ, tức dựa vào “duyên” vô lậu kia nên tu quyết trạch phần.”

Y, nghĩa là chỉ mong cầu nương tựa, tức là vì cầu vô lậu, dùng đối tượng mong cầu làm nương tựa, cho đến thứ nhất, vì được cận phần, nên tu v.v.... Lại “không” v.v... trong quyết trạch phần v.v... thực hành hạnh giải thoát xuất thế gian, nên nói là định xuất thế gian thứ tư. Từ hạnh giải quả đặt tên, nên nói môn Giải Thoát. Đầu tiên trong môn này là nghĩa đại, sau là giải thích rộng.”

Phân biệt hai định. Pháp sư Cảnh nói: “Nói định vô tướng hữu lậu, Diệt định vô lậu, là do phiền não không tương ứng, tức sinh trưởng các lậu trong tương ứng, nay đã không tương ứng với phiền não, tức chẳng phải sinh ra lậu, gọi là vô lậu. Dưới đây sẽ giải thích lần lượt:

Do diệt định này chẳng phải pháp tương ứng và vì chẳng phải đối tượng duyên (sở duyên), cho nên không tương ứng với các lậu. Sinh lậu, gọi là lậu.

Nói “chẳng phải do các phiền não sinh ra nên là xuất thế gian”, nghĩa là ở trước nói không thể sinh ra lậu, nay, nói từ lậu sinh, nên chẳng phải hữu lậu, vì giản lược không giải thích.

Nói “Vì chẳng phải trú xứ của lậu, nên gọi là vô lậu, vì tất cả phàm phu không thể thực hành, chỉ trừ Bồ-tát đã nhập Viễn địa”. Theo văn dưới đây nói: “Lục địa nhập Diệt định; Bồ-tát thất Địa, mỗi niện nhập định Diệt tận. Về mặt lý, Sơ địa trở lên, đều được Diệt định, vì được tướng định. Tướng của sơ, nhị, tam địa đều đồng với thế gian. Bốn địa dự lưu, năm địa nhất lai, nên năm địa trước chưa được diệt định, lục địa sẽ Bất hoàn, Thất Địa sẽ A-la-hán, vì cho nên luận nói riêng được định diệt tận.”

Nói “ Bô-tát có thể khởi pháp v.v... xuất thế, cho đến vì giống với Niết-bàn”, nghĩa là thông thường nói về nghĩa Học, Vô học tự có ba thứ.

1) Y theo thân mà nói, như nói trong thân của người Học đã thành khổ ưu cũng gọi là Học. Đã thành căn khổ trong thân Vô học, nói là Vô Học.

2) Theo hữu lậu, Vô lậu để nói. Nếu người học kia đã thành tự năm uẩn vô lậu, thì gọi là chung là Học, Vô học cũng thế.

3) Theo vô lậu: Nếu có tu học tác ý hạnh giải, mới gọi là Học, khi học đầy đủ, gọi là Vô học.

Nay định diệt tận, vì không có tu học tác ý hạnh giải, nên không gọi là Học, do chẳng phải Vô học.

Nếu dựa vào môn thứ hai, nói Thế là vô lậu, thì người Bất hoàn sẽ được gọi là Học; A-la-hán được gọi là vô học.”

Pháp sư Thái nói: “Bát Địa trở lên gọi là nhập Viên địa. Bô-tát Viên địa có khả năng nhập định này. Nếu là Bô-tát giác ngộ dần thì Địa tiền cũng nhập. Nếu là Bô-tát giác ngộ ngay, thì Địa tiền là phàm phu, nên không nhập. Bô-tát Sơ địa trở lên dù khởi pháp vô lậu xuất thế để cho được thể hiện ở trước, nhưng do năng lực hóa sinh của phương tiện khéo léo, nên không bỏ phiền não do tu đạo, mà để lại “hoặc” vì giúp đỡ nghiệp thọ sinh.”

Luận sư Trắc nói lại lời Ngài Tam Tạng rằng: “Bô-tát Tam Địa được nhập Diệt định.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Lại, Đại nghĩa thừa nói; ‘Viễn địa, tức là người người nhập Thập giải tâm, cũng được diệt định. Vì Diệt định này giống với vô lậu, nên thế là hữu lậu. Nay nói chẳng phải phàm phu và hữu lậu, là chẳng phải tất cả phàm phu và phàm nhĩ hữu lậu. Hoặc là phàm phu nhập vị, nghĩ là Niết-bàn, mới được, hoặc là hữu lậu, nếu Bô-tát hàng phục được chướng định thì cũng được vô lậu. Nhị thừa, hoàn toàn vô lậu, vì không thể hàng phục chướng định.”

Trên đây, đoạn thứ nhất trong năm đoạn, dùng mười một môn Tạp quyết trạch Tam-ma-hý-đa đã xong, dưới đây là thứ hai, sẽ dẫn bốn kinh để giải thích:

- Giải thích về kinh Tùy Thân Niệm Trụ, trong đó, trước là nêu kinh được giải thích. Kế là, chính giải thích văn kinh.

Y cứ văn trong phần chính giải thích kinh, được chia làm hai:

1/ Nêu bốn phiền não bị đối trị (đối tượng trị).

2/ Nói chủ thể trị (năng trị).

Trong chủ thể tri, trước giải thích, sau kết.

Trong giải thích, tức giải thích năm câu, đầu tiên nói về thanh tịnh của địa bất tịnh, trong đó có hai lượt:

1/ Giải thích “Vì đối tượng chướng mới phạm giới, tu tác ý chánh tri, vì biết phạm là lỗi. Vì dứt ba lỗi của tán loạn thứ hai, tu ba tác ý. Đối trị “duyên’ quá khứ, không biết vô thường, khiến biết vô thường, tu thuận với tác ý sở duyên, đối trị cảnh năm dục hiện tại không nhận biết là khổ, tức vì Tâm, Tư nên sinh ra thấy nghe ác, điều cử lưu tán, vì khiến hiểu rõ tướng của chúng, nên tu ý đối trị Tâm, tư kia, đối trị hai thứ trước là tập quán tán loạn trong thời gian dài khó dứt trừ, tu tác ý, rèn luyện tâm sở y kia.

Vì trừ thứ ba, bảo thủ, chấp mắc nội thân, khởi chấp chứa nhóm.

Vì trừ thứ tư, bảo thủ chấp mắc cảnh ngoài là thanh tịnh, tu tác ý bất tịnh.”

2/ Giải thích: Lại, tác ý ban đầu, có công năng dứt trừ vọng niệm, nghĩa là tác ý chánh tri, đối trị “duyên’ tùy niệm tán loạn trong quá khứ. Tác ý thứ hai, có thể dứt trừ sự bảo thủ chấp mắc hai thứ tham lam chấp mắc của thân trong cảnh ngoài, nghĩa là gọi là thuận với tác ý sở duyên kia, đối trị với thứ ba, thứ tư trong tùy phiền não, tác ý thứ ba dứt trừ ác kiến v.v... tất cả tán loạn, nghĩa là phân biệt rõ tướng đó. Có thể đối trị tác ý Tâm, Tư đó, có thể đối trị với tác ý lưu tán của trạo cử. Tác ý thứ tư là, dứt trừ tập quán ở trước đã giữ gìn tán loạn. Nghĩa là đối tượng trị của tác ý rèn luyện điều phục đã nương tựa kia, rất dễ hiểu. Tác ý thứ năm, có thể dứt trừ tướng hữu tình ở thân tịnh, nghĩa là nên tu tác ý phân tích chứa nhóm. Tác ý thứ sáu có thể dứt trừ bốn tham, nghĩa là tác ý bất tịnh.

Tác ý thứ năm. Có thể dứt trừ sắc, xúc chạm, hình dáng và sự thừa kế. Bốn tham theo giải thích của tiểu thừa là tác quán màu xanh, bầm tím.

1- Có thể đối trị tham sắc, tham màu hồng, trắng v.v.... Quán bộ xương, trừ bỏ tham xúc chạm, tức quán đốt xương chia lìa, trừ bỏ tham về hình dáng, diện mạo. Thực hành quán thấy chết, dứt trừ tham thừa sự.

2- Trong lượt thứ hai này, không luận phạm giới, dùng tác ý chánh tri ban đầu dứt trừ tùy niệm tán loạn của cảnh quá khứ thứ hai kia.

Dùng tùy thuận tác ý sở duyên kia để đối trị với gìn giữ chấp mắc tham nội thân, ngoại cảnh về sau. Biết rõ nội thân, ngoại cảnh là pháp vô thường, không nên bảo vệ chấp mắc. Đây là đối trị thân ở cõi Dục

sinh ra chấp mắc.

3- Tác ý phân biệt rõ tướng tham chấp mắc kia, trở lại bỏ đi điều cử lưu tán thấy nghe xấu ác ở trước.

4- Tác ý rèn luyện, điều phục, trước lại bỏ đi thế lực gìn giữ có tán loạn đã quán tập ở trước.

5- Nên tu tác ý phân tích chứa nhóm, dứt riêng tướng hữu tình ở thân tịnh. Đây là đối trị thân ở cõi Sắc sinh chấp mắc.

6- Tác ý bất tịnh, có thể dứt trừ bốn tham quá khứ, vị lai, tham oai nghi, thờ kính, v.v....

Nói về thanh tịnh của địa định. Lại, có hai lượt:

1) “Tu tập tác ý như thế, vì nương tựa đến Thắng định căn bản”, nghĩa là nói tác ý đã thành tựu.

Lại, “Có thể chứng đắc Hữu hỷ, Ly hỷ, thanh tịnh, An lạc” nghĩa là được ba định của Địa dưới.

Lại, giải thích: “Sơ định, nhị định, gọi là Hữu hỷ; đệ tam định gọi là Ly hỷ an lạc. Bốn định trở lên, chẳng đến Phi tướng, gọi là thanh Tịnh.”

Lại, giải thích: “Bốn định trở lên, chẳng đến Phi tướng, gọi là an lạc thanh tịnh.”

Lại, giải thích: định thứ ba trở lên, gọi là chung Ly hỷ.”

2) “Lại, vì nương tựa tâm chánh định như thế, cho nên đến tánh vô thường v.v... của các hành: được Thiên Nhân thông, nhìn thấy các chúng sinh chết ở chỗ này, sinh ở chỗ kia. Biết rõ các hành lưu chuyển trong hai đời, nghĩa là mười chi quá khứ, lại chiêu cảm sinh và già chết ở vị lai, gọi là hành vô thường.

Nói về nhiếp thanh tịnh. Rằng”Dựa vào ba xứ v.v...

1- Nương tựa tâm tăng thượng.

2- Nương tựa tuệ tăng thượng.

3- Nương tựa Tuệ tăng thượng, đầu tiên tu Địa nghiệp.

Nương tựa vào xứ Tuệ học của tâm tăng thượng, vì dứt trừ kiết khác. Tu niệm, trụ v.v.... Dựa vào Bồ-đề phần pháp, nên gọi là nhiếp thanh tịnh.

Nói về thanh tịnh không chung, do ba nhân duyên không chung với ngoại đạo tức là theo thứ lớp chữ “cố” của ba xứ địa dưới.

Trong phần nói về thanh tịnh của quả không chung, vẫn có ba tiết, nghĩa là vì nương tựa ba duyên không chung ở trước, nên bốn quả, kể cả chín quả đều thanh tịnh.

Bốn quả thanh tịnh:

1. Ở thôn xóm, do pháp thế gian sinh ra mà không bị phiền não làm nhiễm.

2. Ở chốn Luyện-nhã mà sinh phiền não là không nhiễm.

3. Hợp chung hai thứ trước lại làm thứ ba.

4. Đối với hai xứ, nơi không thể kham nhẫn, phiền não khổ chìm đắm v.v... không làm nhiễm, là quả thứ tư.

Nói hai xứ khổ: “Trong thôn xóm, nhà cửa rách nát, mưa dột v.v... Nếu ở trong khoảng không, thì bị muỗi mòng rút rủa, máu chảy đầm đìa v.v... Nếu do tư lương viên mãn, nên khó nhẫn, mà nhẫn, được phiền não không làm nhiễm.”

Trong năm quả thanh tịnh. Pháp sư Cảnh nói: “Tức chỉ cho bốn không, nói chung là vắng lặng giải thoát thứ năm”. Pháp sư Khuy Cơ nói: “rằng, bốn thiền vắng lặng, giải thoát, được định Vô Sắc nhập Diệt định. Diệt định là giải thoát, vắng lặng.

Chín quả, tức ba quả đầu trong bốn quả Sa-môn và sáu thần thông, không lấy quả thứ tư, vì tức là Lưu tận thông.”

Dưới đây là kết pháp đã nói trên, có năm thanh tịnh, như thứ lớp phối hợp. Ban đầu nói về sáu tác ý là tâm của cõi Dục, gọi là thanh tịnh của địa bất định. Bốn thanh tịnh còn lại, rất dễ hiểu.

Dưới đây, là tùy theo tên thân niệm trong giải thích kinh. Lại, vì tùy theo thân chuyển, nghĩa là khởi tùy theo đuổi cảnh giới của thân mà chuyển. Vì đối tượng nhiếp thọ kia, nên thân niệm trụ là Tuệ, vì đồng thời nghĩ đến nhiếp thọ của sự giúp đỡ, mới được tác dụng, nên còn gọi là niệm. Cho nên, thân kia được gọi là Thân niệm trụ.”

Giải thích Kinh Ma-ha Câu-sắc-sĩ-la, trong đó, trước là nêu kinh đã được giải thích:

Ma-ha Câu-sắc-sĩ-la, tức xưa gọi là “Ma-ha Câu-hy-la Ma-ha Hán dịch là Đại. Câu-sắc-sĩ, Hán dịch là Đỗ-la, đây nói là “trì”, tức là Đại đồ trì. Đại-Đỗ nghĩa là Đại Tạng, tức Phạm Chí Trường Trảo câu của ngài Xá-lợi-phất.

Kế là, chính giải thích văn kinh, trong đó, trước nêu hai thứ tên giải thoát:

1/ Tuệ giải thoát, văn dưới đây sẽ lấy chung tuệ học. Tuệ vô học, hữu lậu, vô lậu đều gọi là Tuệ giải thoát. Về mặt lý, nên lấy số Thắng giải tương ứng với tuệ vô học kia làm Tổng thể giải thoát. Trong văn, nêu trực tiếp Tuệ vô học kia làm Tuệ giải thoát.

2/ Tâm giải thoát, chính là lấy Diệt định làm tâm giải thoát. Nhưng trong văn dưới đây, gồm lấy thời gian xuất định diệt tận, tâm lậu, vô

lậu, tâm học, vô học làm tâm giải thoát tương ứng với các tâm kia làm thể của tâm giải thoát. Đại ý là như thế. Tướng trạng của văn rất phức tạp, khó rất dễ hiểu rõ.”

Trong đây trở xuống, là giải thích riêng về nghĩa ấy, trong đó có bốn:

1. Nói về quả giải thoát.
2. Nói về tâm giải thoát trụ.
3. Nói về sự khác nhau của quả.
4. Nói về sự khác nhau của trụ.

Trong phần đầu, trước nói riêng về tướng mạo của quả giải thoát hữu lậu, vô lậu. Sau là nói về tướng quả chánh kiến.

Trong phần trước, trước là nói về giải thoát của tâm tuệ hữu lậu. Kế là nói về giải thoát của tuệ vô lậu.

Từ câu: “Trong đây, dựa vào tuệ giải thoát v.v...” trở xuống, cho đến câu: “Tức vì sức tăng thượng của Tuệ giải thoát, nên Trên đây”, là nói về tâm giải thoát của tuệ hữu lậu.”

Từ câu: “Công hạnh của tuệ xuất thế gian” trở xuống, là nói về tâm giải thoát của Tuệ vô lậu.

Trong phần đầu nói về hữu lậu, trong đây, dựa vào tuệ giải thoát trở xuống, lại dựa vào tâm giải thoát trở lên, là nói về tuệ.

Lại, “Dựa vào tâm giải thoát” trở xuống, nói về tâm.

Nói trong tuệ, đầu tiên, là nói về cảnh của tuệ.

“Thể tánh của tuệ kia” trở xuống, là nói về thể của tuệ.

Ban đầu nói: trong đây, dựa vào Tuệ giải thoát, nói là công hạnh đã làm của tuệ thế gian, là nhắc lại kinh. Phải biết rằng, tức là kiến lập hành vi ác, hành vi thiện, đều là nhân duyên kia.” Pháp sư Cảnh nói: “Với chánh kiến của thế gian, rất dễ hiểu rõ thể của đường thiện, ác và nhân duyên của thiện, ác đó, gọi là kiến lập.”

Pháp sư Thái nói: “Hai hành động thiện ác và nhân duyên khởi hành động là đối tượng hành động của thế gian.” Kế là, nói rằng “Thể tánh của tuệ kia”, là nhắc lại kinh.

“Phải biết rằng v.v... cho đến “Như thật chánh tri”, nghĩa là phát ra thể năng biết, có khả năng rõ về thể tánh khác nhau của nhân duyên thiện, ác, như thật chánh tri, là thể của tuệ giải thoát.

Y cứ trong nói tâm giải thoát, lại có hai:

- 1/ Nói tâm tịnh của đối tượng nhiễm.
- 2/ Nói về quả của tâm giải thoát.

Ban đầu nói: Lại dựa vào tâm giải thoát, nghĩa là đối tượng nương

tựa của tâm nhiễm, tịnh, là nhắc lại kinh.

“Phải biết rằng cho đến có thể lấy sự phân biệt rõ”. Pháp sư Cảnh nói: “Tâm vương kia là chỗ nương tựa của nhiễm, tịnh, nghĩa là đối với sắc v.v.... Có thể lấy phân biệt rõ, là thể của tâm kia.”

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Đây là nói về đối tượng nhiễm tâm tịnh, tức là tâm” năng” “sở” của cảnh giới như sắc v.v....”

Kế là: nói “Quả giải thoát v.v... của tâm tuệ thế gian kia”. Pháp sư Cảnh nói: “Do tuệ thế gian biết rõ tâm vương là “nhiễm, tịnh, y”, dứt trừ pháp nhiễm, về sau, khởi tâm vương không cùng có với nhiễm, được gọi là tâm giải thoát. Thể của tâm giải thoát nhờ tuệ mà thành, cho nên là quả của tuệ, vì vậy nói: “Quả của tâm giải thoát, tuệ thế gian kia”.

Dưới đây, là giải thích về tâm giải thoát. Giải thoát ở đâu?

Phải biết tức là loại nhiễm hạ xen lẫn nhau tương ứng với Tâm vương kia, vì tạp nhiễm phát ra. Nghĩa là tâm tịnh xuất phát từ trong loại tương ứng tạp nhiễm phẩm hạ, gọi là tâm giải thoát, tức do năng lực tuệ, mà tâm được ra khỏi tạp nhiễm. Như quyển sáu mươi bốn chép: “chướng Phiền não nghĩa là do chướng kia, nên nói là tuệ giải thoát, tâm được giải thoát.”

Chướng định, nghĩa là do chướng kia, nên nói là tâm của các Đức Như Lai được giải thoát, tức chướng định ở trước là chướng sở tri. Đức Như lai vì lìa chướng sở tri này, nên tâm được giải thoát, cho nên nói: “Tức do năng lực tăng thượng của tuệ giải thoát.”

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Cho đến tức vì năng lực tăng thượng của tuệ giải thoát, nên làm sáng tỏ quả của tâm giải thoát, nghĩa là do năng lực của tuệ trong đời trước, nên tâm giải thoát kia ở trong tương ứng ràng buộc và “duyên” ràng buộc ra khỏi. Nói là tương ứng nghĩa là tương ứng với ràng buộc (phược). Xen lẫn nhau nghĩa là duyên phược. Lại tương ứng, nghĩa là đều cùng lúc khởi “hoặc” xen lẫn nhau, nghĩa là trước, sau sinh lẫn lộn. Đây là quả giải thoát của tâm thế gian, chỉ có tương ứng với không nhiễm và sinh gián cách, chứ chẳng phải là “duyên” ràng buộc v.v..., nếu lìa tức là quả giải thoát của tâm vô lậu.”

Nay, giải thích: “Cho đến “Vì ra khỏi loại tạp nhiễm phẩm hạ: là nói quả của tâm giải thoát, không đồng với văn mà hai Luận sư ở trước đã phán quyết. Nhưng vì chưa thấy bản kinh giải thích, nên không biết được giải thích nào là thích đáng?”

Dưới đây, trong phần nói về tâm giải thoát của tuệ vô lậu, lại có hai:

1/ Cảnh. 2/ Tương quả.

Ban đầu nói: “Đối tượng thực hành (công hạnh) của tuệ xuất thế gian” đây là nhắc lại văn kinh.

“Phải biết tức là v.v... đến “Tất cả cảnh giới”. Pháp sư Cảnh nói: “Do tuệ thế gian kể cả tâm giải thoát, nên có thể dẫn khởi tuệ xuất thế gian, hiểu rõ tất cả cảnh. Pháp sư Thái nói: “Do năng lực tăng thượng giải thoát của tuệ thế gian ở trước và được công hạnh đã làm của tuệ vô lậu xuất thế, tức là năng lực tăng thượng của hai giải thoát tâm, và tuệ ở trước, nên biết rõ tất cả cảnh đều không.”

Kế là, nói rằng: “Quả v.v... của tâm giải thoát, của tuệ xuất thế tức là tuệ xuất thế dứt trừ hết hạt giống nhiễm, có thể khiến tâm kia cứu cách lìa nhiễm, nên tâm giải thoát. Lại vì quả của tuệ xuất thế, nên nói: “Phải biết vì ra khỏi tất cả chủng loại tạp nhiễm này,”

Dưới đây, kế là, Thứ hai, nói về tướng quả của chánh kiến, trong đó có hai:

1. Nói về tuệ thế gian, xuất thế gian, tóm lược thành một, gọi là chánh kiến.

2. “Lại, xuất thế gian v.v... v.v... ” trở xuống, là nói về tướng quả của chánh kiến xuất thế, trong đó, Pháp sư Cảnh nói: “Phải biết tức là vì trước, sau là thường, vì là không, nghĩa là nói hai “không” kia để làm rạn vỡ chân như, tức là quả do chánh kiến đã hiểu rõ, tức là phạm gọi là trước, thánh gọi sau nhưng thể của nó vẫn thường, không thay đổi, không đồng với đạo học. Vì phải đối với phiền não khác mới sinh. Nếu phiền não khác không có thì sẽ diệt ngay, không khởi. Vì đối đãi với đối tượng trị, hoặc có sinh, có diệt, nên gọi là có đối. Câu này là lập Tông.”

Dưới đây giải thích có hai: trước và sau thuận nhau.

Nói: “Nếu pháp bị đối trị, nếu có sinh rồi không có diệt”, nghĩa là vì pháp học đạo, nên nói “nếu pháp” Do có đối tượng trị, nếu đạo vô lậu học nối tiếp nhau không diệt thì nói là “đã đối trị”. Nếu không có diệt, đã có sinh thì hoặc là gieo trồng dứt ác gọi là “đã đối trị”. Nếu đạo học vì tùy theo lậu, diệt rồi vì đạo vô học khởi, nên nói là “có sinh”.

“Pháp kia gọi là có “bị đối trị”, nghĩa là kết đạo đế kia, gọi là có đối.

Dưới đây, thuận với kết chân như là pháp không có đối.

Dù lại giải thích: hoặc “có” vô sinh khác với bất sinh, mà vì thể của chân như kia thường là có, nên gọi là không có đối.

“Lại, tức quả này, cho đến “được thanh tịnh”, là nhắc lại kinh.

“Phải biết rằng v.v... cho đến “và khiến cho các căn vì thuận với

thanh tịnh, nghĩa là khi tâm nhiễm đã diệt, tâm tịnh khởi, đối với cảnh sẽ không nhiễm, khiến các căn thuận với thanh tịnh.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đây là nói vì là quả của chánh kiến, nên nói là thường. “Nếu pháp bị đối trị v.v...” trở xuống, là phân biệt với hữu vi chẳng phải thường.”

Một giải thích khác: “Nếu pháp, thì tất cả gọi là chung là pháp. Nếu đối tượng trụ (sở trị) có sinh rồi, không có diệt, nghĩa là “hoặc” bị trị, nếu “có” thì đạo Vô gián sinh rồi, đều cùng và “hoặc” sẽ không diệt. Nếu đối tượng trị không có diệt, đã có sinh, nghĩa là “hoặc” bị trị nếu “không”, thì đạo Vô gián với “hoặc” đều diệt, đã có đạo giải thoát sinh. Đối tượng trị, chủ thể trị này vì có diệt, có sinh, nên phải biết rằng, vì có cái đối lập, nên chẳng phải thường.”

Lại, giải thích “Nếu pháp” nghĩa là pháp đạo đế. Nếu đối tượng trị “có”, nghĩa là trước tâm kim cương, cho đến Kiến đạo trở xuống, vì “hoặc” còn có, nên gọi là “sở trị” “có”. Tâm Kim cương trở xuống, đạo v.v... gọi là sinh rồi, không có diệt, vì thường khởi, nên hiện có thể khởi. Sau tâm Kim cương, tất cả “hoặc” là không, gọi là đối tượng trị là “không” đạo đã chứng đắc ở trước diệt rồi, về sau, đạo quả viên mãn sinh, nên nói diệt rồi có sinh. Đạo đế này. Vì có sinh, diệt, nên gọi là chẳng phải thường. Vô vi chẳng phải như thế, cho nên thường. Ở đây chỉ phân biệt với Đạo đế. Nếu không thực hành bình đẳng, giải thoát của tâm Kim cương trở xuống, thì “hoặc” của Đại thừa sẽ được không cùng có, làm sao đối tượng trị có sinh rồi, không có diệt, “hoặc” của đạo đều có. Giải thích sau đây, luật sư Đại nghĩa đồng với Pháp sư Cảnh.

Nói về trụ rằng: “Lại, tâm giải thoát trụ, nghĩa là rất hệ thuộc nhau mà trụ, nghĩa là người có tâm giải thoát, do thọ, noãn, thức xoay vần gìn giữ nhau, nên được an trụ.

Trong phần nói về quả khác nhau. Cảnh Luận sư Bồ Khuyết rằng: “Sự khác nhau của hai thứ quả giải thoát của thế gian và xuất thế gian này”, là nhắc lại kinh.

“Phải biết rằng v.v... cho đến “hữu” sau bất sinh”: Nếu là giải thoát xuất thế, thì hoàn toàn sẽ không có “hữu” sau. Nếu thể giải thoát của thế gian là hữu lậu; nếu người học còn có si, ái, thì “hữu” sau sẽ bất sinh. Vô học không có si, ái, “hữu” sau sẽ bất sinh.

“Lại, lẫn lộn nhau kia tương ứng nên bình đẳng, nghĩa là tâm nhiễm kia lẫn lộn tương ứng với các phiền não mà không giải thoát”, nghĩa là. Nếu khi tâm nhiễm dứt trừ, tâm tịnh sinh, thì có thể nương tựa tâm sở, cũng được thanh tịnh. Vì thế, nên tâm tịnh kia không bị hiện

duyên tiêm nhiễm, lãnh thọ cảnh trước,”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nói trong các thọ và trong nhân duyên: xúc là nhân duyên của thọ. “Duyên” khởi ái, thủ v.v..., nên thân “hữu” sau sinh.

Nói: “Lại, vì phiền não lẫn lộn nhau mà tương ứng nên bình đẳng: Đây là giải thích quả của chánh kiến không có nghĩa riêng.

Trong phần nói về sự khác nhau của Trụ. Bồ Khuyết rằng: “Tức hai giải thoát trụ khác nhau, phải biết rằng, tức là sáu vắng lặng v.v..., nghĩa là ban đầu, lìa hôn trầm, trạo cử là một vắng lặng. Nói do thức thanh tịnh ẩn một bình đẳng: ẩn một là chìm đắm trong định hay không chìm đắm, ẩn một bình đẳng.

Nói: “chẳng phải do sở y bình đẳng kia”, nghĩa là do dựa vào điều cử kia, gọi là y bình đẳng.

2. Nói về nhập định không do gia hạnh, gọi là nhập vắng lặng.

3. Nói về xuất định không do gia hạnh, gọi là xuất vắng lặng.

4. Ở Diệt định, ba hành không hiện hành, gọi là vắng lặng.

5. Đối với xa lìa, tâm xuất vắng lặng v.v... : Diệt định gọi là xa lìa, tâm xuất thường vắng lặng.

6. Tâm xuất gần gũi, vì vắng lặng nên bình đẳng, nghĩa là từ Diệt định xuất, nhập ba tâm kia xong. Ba tâm kia gọi là gần gũi gần gũi với Diệt định:

1) Định vượt hơn của cõi Sắc.

2) Định vượt hơn của cõi Vô Sắc.

3) Là định vô lậu xuất thế. Tâm từ diệt định xuất nhập định cõi Sắc. Đây là y theo lần lượt đầu tiên nhập vào định Vô Sắc, sau, nhập tâm định cõi Sắc, cũng có thể đây là y theo chư Phật, Bồ-tát từ diệt định xuất, liền nhập trong định cõi Sắc. Nếu khi xuất định, nhập định Vô Sắc, thì gần nhập Phi tưởng. Kế là, nhập Vô Sở hữu xứ, xa nhập Thức xứ; hoặc nhập không xứ. Nếu xuất Diệt định, thì nhập tâm vô lậu. Ở ba “không” dưới, tùy nhập một xứ. Từ diệt định xuất, trước khởi định Vô Sắc, kế là khởi định cõi Sắc. Hoặc xuất diệt định, nhập định vô lậu.

Ba tâm như thế, do xuất diệt định mới khởi, gọi là gần gũi, ra khỏi tâm vắng lặng.

Nói: “Lại, các định này chẳng phải chỉ khi diệt Định xuất rồi mới được, mà trước đó cũng đã được.

“Nay, khởi hiện ở trước”, đây là vì y theo hạt giống loại đã từng được, nên nói trước được. Cũng có chưa hề đầy đủ, khi tâm xuất định, mới khởi, nên nói rằng: “trước cũng đã được”.

Nói “Trong đây cho đến một định sau vì không do thứ lớp định nên bình đẳng”, nghĩa là từ diệt định xuất, định tịnh hữu lậu trước nhập Vô Sắc, sau nhập cõi Sắc. Nói về thứ lớp Vô lậu, chỉ nhập vô sở hữu xứ, hoặc Thức xứ, Không xứ. Vì hiện hành vô lậu, nên nói sau không do thứ lớp định, nhập vào định vô lậu này. Nhưng do lúc không đạt cõi vô tướng chân như, nên khởi định này”.

Nói” Lại định có tướng v.v... cho đến” phải biết xuất định, nghĩa là lại, định có tướng của trí Hậu đắc, do tác ý phân biệt có tướng nên nhập, trụ, xuất định. Nếu vô tướng định của trí Vô phân biệt, thì sẽ do tác ý vô tướng nhập, trụ. Phải biết rằng, trong tâm phân biệt có tướng xuất. Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Vì sáu vắng lặng, tức là dưới đây xa lìa ba thời tâm xuất, gần giữ ba thời tâm vắng lặng. Do thức thanh tịnh ẩn một bình đẳng, nên chẳng phải do sở y kia bình đẳng, nên bình đẳng, ở đây trong giải thích diệt định là thắng dụng, nghĩa là Diệt định chỉ có vô lậu thanh tịnh thức ẩn một bình đẳng, chẳng phải do định hữu tâm của phương tiện trước. Vì thân bình đẳng, chỗ nương tựa cho diệt định, nên gọi là Diệt định.

Ba hạnh không hiện hành: nếu xuất định, thì trước là khởi hành động của tâm; kế là, khởi hành động của thân; sau, là khởi hành động của ngữ. Định hôm nay không có ba hành này, không đồng với có thanh hành trong định hữu tâm”.

Kinh Giải thích về pháp nhân duyên, trong đó, đầu tiên, là nêu kinh giải thích. Kế là trong chính giải thích, trước là nhắc lại chung văn kinh.

Bổ Khuyết rằng: “Nói là Bí-sô khéo léo trong ba tạng: hoặc cận sự nam vì muốn dựa vào sự biết rõ ràng nên thưa hỏi, nghĩa là dựa vào tám tướng để hỏi”.

Pháp sư Thái nói: “ Luận Đối Pháp nói: “ Tỳ-ni, nghĩa là không liên quan đến hai pháp còn lại. Kế là, Luận chủ giải thích, trước nêu bày tám tướng. Sau, theo thứ lớp, giải thích riêng,

1) Nói về hiểu rõ sự, tức hiểu rõ năm uẩn.

2) Hiểu rõ sở trị, sở trị có hai.

a) Do các tại gia vì nhiễm, nên về sau có diệt, không sinh vui.

b) Do các ngoại đạo vì kiến nhiễm, nên dù vui, nhưng không chứng.

3) Hiểu rõ quả, tức là hai tạp nhiễm ái, kiến dứt trừ.

4) Hiểu rõ tự tánh.

Nói “Vì đối trị ba thứ tạp nhiễm, nên kiến lập ba uẩn”: Tức ba học

giới, định tuệ gọi là ba uẩn, nghĩa là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới uẩn đối trị với hành vi ác. Chánh niệm, chánh định, kết hợp gọi là định uẩn, đối trị các dục. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, hợp gọi là tuệ uẩn, đối trị các kiến.

5) Hiểu rõ sự khác nhau của quả, nghĩa là các, “hoặc” đoạn diệt thuộc về vô vi.

Trước y theo tăng thượng để nói về hiểu rõ quả. Nay, y theo lìa trôi buộc để nói về quả khác nhau.

Lại, giải thích “Trước y theo tự tánh; sau y theo sai khác.

6) Hiểu rõ sở y, sở y này lại có bốn thứ. Pháp sư Cảnh, Bồ Khuyết rằng: “1/ Do hạt giống, tức hạt giống định, tức là nhân duyên. 2/ Do tướng tức thể của định. 3/ Do sở duyên, nghĩa là cảnh giới của định. 4/ Do thành xong v.v..., tức duyên Thứ Đệ và duyên thế lực, giúp sức cho hai duyên trước mới có thành xong.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhân duyên thành xong, tức được nhân duyên của định. Ba pháp khác đồng với Pháp sư Cảnh cũng nói định là nhân duyên thành xong các công đức.”

Luận sư Trắc nói: “

- Nhân duyên.
- Thể tướng của tinh lự.
- Khởi duyên của định.
- Thành xong công đức vượt hơn như Vô tránh v.v....

7) hiểu rõ công đức, công đức này lại có năm thứ:

1- Nói là vì sự diệt, tức là thể của định, lấy công năng hạt giống của tâm nhằm chán bất tương ứng làm thể của sự diệt.

2- Vì sự vắng lặng giống như hình bóng. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tức biết định là giả có, chẳng phải thật có tự thể, chỉ là vì giống với hình bóng. Lại, giải thích: “Định này muốn nhập duyên Niết-bàn là pháp vắng lặng chân thật. Định giống với Niết-bàn, hình bóng của sự vắng lặng. Đây là Diệt Định, dù rằng, vì hữu vi này dường như Niết-bàn, nên gọi là hình bóng.”

Có chỗ giải thích rằng: “Cũng có thể vì giống với tâm ảnh, nên gọi là giống như hình bóng.

3, 4- Nhân duyên nhập xuất. Nghĩa là vì có người sợ thân mạng mình gặp tai nạn, nên nhập Diệt định, bởi sức định kia không có gia hại. Hoặc vì sự ăn uống, đại tiểu tiện lợi, các bệnh nặng v.v..., nên xuất định.

5- Công đức khi xuất định, nghĩa là công đức khi xuất định khởi,

tức thân tâm yên ổn, vừa ý, lia các thô nặng. Nếu thí cho người, thì sẽ được quả báo.

8) Hiểu rõ chứng đắc. Bồ Khuyết rằng: “Bốn đế gọi là chứng đắc, trước đây, luận đã nói, chính là bảy thứ pháp thiện trong luận Bà Sa.

Thêm nhiều lớp quán tập: Nghiệp là Thọ nghiệp, vì thêm một thứ này nên thành tám.

Quán sát tự tánh nghĩa là quán khổ, là thể của thọ.

Quán hiện pháp chuyển nhân duyên, nghĩa là chuyển thành Tập đế của thọ Tập.

Quán hiện pháp chuyển nhân duyên của Diệt, đây là quán thọ Diệt.

Nhân duyên chuyển ở đương lai, nghĩa là quán nghiệp là thọ nghiệp của vị lai, chuyển nhân duyên với nghiệp đều có thể sinh Thọ, gọi là chuyển nhân duyên.

Quán hai nhân duyên chuyển diệt kia, nghĩa là đạo đế có công năng diệt hai thứ quán trước.

Chuyển nhân duyên của nhân duyên: Quán thọ ái vị, lại làm nhân duyên cho chuyển nghiệp, nên gọi là chuyển nhân duyên của nhân duyên. Quán hoàn nhân duyên nhân duyên: Hoàn là diệt đế. Ở trước nói là đạo đế chuyển Diệt và nghiệp làm nhân cho Diệt. Nay, quán lại thọ cho là lỗi lầm, có công năng diệt vị ái, giúp đạo, làm rạn vỡ Diệt, gọi là quán sát nhân duyên, nhân duyên và quán sát Hoàn, nghĩa là quán lại Diệt đế.

“Lạc câu hành v.v...” trở xuống, cũng nêu kinh để giải thích:

Đối trị của “Lạc câu hành”, là nhắc lại kinh, nghĩa là đối với tính lự căn bản hơn hết, nghĩa là giải thích: “Dựa vào Tính lự thứ ba để khởi đối trị, gọi là “Lạc câu hành”. Địa dưới dựa vào định Vị Chí để tu khởi quán, đối trị với tác dụng không đồng đều của định, tuệ, vì làm rõ, gọi là đạo khổ. Nghĩa là Tính lự thứ tư đã khởi đối trị, gọi là Phi khổ lạc.

Nói “Vì muốn chỉ bày cho đến “đều khổ”, nghĩa là vì muốn cho việc thọ vị ái và nhân duyên của nghiệp được đoạn diệt, nên Đức Phật nói các thọ đều là khổ.

Nói “Do ba thọ kia vì y theo nghĩa thứ nhất đều là khổ, đều là “hành khổ”. Hành khổ là lý của ba thọ đó.

“Nếu y cứ gọi là nghĩa bậc nhất nói tương đối là nhắc lại kinh. Nghĩa là ví có ở đây, nên đặt ra ở nơi kia, gọi là tương đối v.v... Đối đãi với khổ, nói là vui, đối với sự lo lắng, nói là mừng; đặt ra năm thọ. Tuy nhiên do hành khổ, nên tất cả đều khổ. Cho nên nói rằng “Các thọ trong

đây đều lần lượt đối nhau”.

Do thuộc về tất cả khổ kia, nên lại do có nỗi khổ của nghĩa thứ nhất này đặt ra vô trí, nghĩa là hành khổ chỉ Thánh mới biết, phàm phu không hiểu, gọi là vô trí. Do có hành khổ này, nên lập bày đối trị Tuệ xuất thế kia. Vì cho nên Câu-xá nói: “Ví như sợi lông my nằm trong lòng bàn tay thì con người không hay biết. Nếu lông my này rơi vào trong mắt, thì hoặc gây tổn hại và không yên ổn. Phàm phu như bàn tay không giác biết sợi lông my hành khổ. Bạc Thánh như con mắt, do đây sinh nhàm chán, sợ hãi. Do có hành khổ này, nên thiết lập ra quả Niết-bàn vắng lặng kia. Do có khổ, tập, đạo để, lập bày quả Niết-bàn vắng lặng diệt kia.

“Cho nên, các pháp kia kia nói là tương đối với các pháp kia”, Nhưng do tương đối, lập ra có các thọ, y theo nghĩa thứ nhất, đều là hành khổ. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Quán tám tướng, tức như Bản địa cuối quyển tám, cũng như cuối quyển năm mươi ba đã nói: “Trong đây nói tương đối, tức đối với khổ thọ, nói lạc thọ, chứ chẳng phải lạc thọ chẳng phải khổ. Ở đây có ba thứ đối nhau, như quyển năm mươi sáu nói. Đối nhau để xem xét.”

9) Kinh Giải thích về Miên. Pháp sư Khuy Cơ nói: “nói vì miên mà nhập định nên gọi là Miên kinh.

Có chỗ giải thích: “Nói bỏ Miên, được định, gọi là Miên Kinh.”

Năm tướng đối trị:

1. Tướng xa lìa bóng tối.
2. Đạt đến đạo lý gia hạnh.
3. Dứt các kiến.
4. Công dụng của các kiến.
5. Công dụng “sở y” của các kiến.

Thứ nhất, tướng lìa bóng tối, tu ánh sáng.

Thứ hai, phát sinh chánh gia hạnh. Nói “Đối với năng tùy thuận, nêu pháp hoan hỷ, nghĩa là tướng bóng tối thuận với hôn trầm; hoan hỷ thuận với điệu cử, cho nên, đối với pháp hoan hỷ, phát khởi gia hạnh.

Thứ ba, là gây tổn hại các kiến, không khởi kiến thủ v.v....

Thứ tư, là công dụng của kiến, nghĩa là sinh ra hành vi ác, hay sinh ra sáu mươi hai kiến v.v.... Nay, đối trị các kiến đó.

Thứ năm, là gây tổn hại hạt giống của các kiến, gọi là tổn “sở y”.

Năm thứ pháp nhập trì nhất định. Pháp sư Khuy Cơ nói:

1. Xa lìa là xứ xa lìa của định.

2. Xứ xa lìa, nghĩa là nơi tu định và thuận với ngôn giáo của định.

3. Thuận với tâm vô nhiễm. Dụng cụ, tiền của, tức tọa cụ, giường nằm bờ mé (phẩm hạ).

4. Từ người có trí phẩm hạ.

5. Đối với các đời phẩm hạ.

Lại giải thích: “Nơi chốn xa lìa của các xa lìa là bậc nhất. Thuận với tâm không có nhiễm trở xuống là thứ hai. Từ có trí trở xuống là thứ ba. Đối với các đẳng trì trở xuống là thứ tư.

Trong pháp thứ năm ở trước, được chia làm hai: hạnh vô lậu là thứ năm.

Nay, lại giải thích: “Xa lìa, 1/ Xứ sở, 2/ Thuận với ngôn thuyết của định, 3/ Thuận với tâm không có nhiễm tiền của, sinh các dụng cụ, 4/ Từ “người có trí trở xuống, cho đến “Tác ý như lý” là thứ năm.”

Dưới đây là dùng sáu môn quyết trạch lại Tam-ma-hý-đa Địa. Ban đầu nói có ba nhân duyên xa lìa Tầm, Từ:

1. Xa lìa sự của đối tượng Tầm, Từ.

2. Nhàm lìa tai họa tự tánh của Tầm, Từ.

3. Do ở trước khởi nhàm chán. Nay, vì đang xa lìa nên gọi là tự tánh xa lìa.

Do ba nhân duyên lìa căn Tầm, Từ:

1. Thương căn lìa ngay.

2. Trung căn lìa dần.

3. Hạ căn, nhận thấy sâu sắc tai họa lỗi lầm của các Tầm, Từ.

“Nói về sáu thuận với cõi xuất ly”. Pháp sư Cảnh nói: “Nói là ba người có ba duyên nhất định, tức gọi là sáu. Nếu ba người, hoặc ba định thì đều thuận với Niết-bàn, thể của cõi xuất ly:

a- Người tu tâm tăng thượng, nghĩa là đối với bốn hữu tình, có chúng sinh duyên định, tức là phàm phu của pháp nội.

b- Người siêng tu tập hưởng đến rốt ráo, có pháp “duyên” định. Địa vị ở tu đạo, có cả Vô học.

c- Người siêng tu tập, hiện quán đế, có pháp “duyên” định, địa vị ở Kiến đạo trở xuống, cầu tác ý hiện quán đế. Vì muốn cho hữu tình đồng với ta, đồng thấy pháp an lập, phi an lập đế, gọi là pháp “duyên” định.’

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ba người, mỗi người đều tu một hành tướng. Nhân, pháp hợp nói, nên có sáu. Về nghĩa đồng với giải thích ở trước.”

Lại giải thích: “Ba người thực hành sáu hạnh. Sáu hạnh là xuất ly, nghĩa là người ban đầu tu bốn hạnh; hai người còn lại, mỗi người tu một hạnh, nghĩa là đối với hành động thù oán thì tu từ, đối với hành vi xấu ác thì khởi bi; đối với hạnh thanh tịnh, thì khởi hỷ; đối với hạnh ơn, thì khởi xả, đều gọi là chúng sinh “duyên” định, đây tức là bốn, hợp chung thành một, vì chúng sinh duyên định, là đồng.

Người thứ hai, dùng pháp “duyên” định, là người thiện căn giải thoát phần.

Người thứ ba, tu quán đế là người thiện căn quyết trạch phần, dùng pháp để thuận với cõi Niết-bàn, nên có sáu. Dù nêu ba người, nhưng do ba hạnh pháp, nên “duyên” cảnh có sáu. Vì phân biệt nên có sáu pháp thuận.

Nói về tánh đại và xa lìa.

a-Nói tánh Đại của sở duyên, nghĩa là vì “duyên” chân như.

b- Tánh đại của tinh tấn, nghĩa là trong nhiều kiếp, vì thường cố gắng sách lệ.

c- Đại Tánh phương tiện, nghĩa là vì Bát-nhã, đái bi không trụ nghiêng lệch.
